

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84** /2025/DS-ST
Ngày: 29 - 9 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Quang

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* ông **Phạm Phú S** - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: tổ E, phường L, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

* *Bị đơn:* ông **Nguyễn Hữu T** - Sinh năm 1968 - Địa chỉ nơi làm việc: số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ thường trú: tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Phú S trình bày:*

Do quan hệ quen biết, từ ngày 25/4/2023 đến ngày 16/12/2023 ông Phạm Phú S đã nhiều lần cho ông Nguyễn Hữu T mượn tiền cũng như thanh toán hộ ông T các khoản chi với số tiền tổng cộng 1.120.652.000đồng. Ông T hẹn sẽ thanh toán hết các khoản tiền nợ cho ông S trước ngày 31/12/2023. Khi vay mượn, chi trả không lập giấy tờ, đến ngày 27/12/2023 thì các bên mới lập Giấy xác nhận mượn tiền có kê chi tiết các khoản tiền cụ thể. Tuy nhiên đến hạn ông T không chịu trả như thỏa thuận,

sau nhiều lần ông S nhắc nhở, yêu cầu thì ông T mới trả dần trong nhiều đợt, tính đến ngày 08/01/2025 ông T trả được số tiền tổng cộng là 801.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 290.652.000đồng.

Do vậy, ông Phạm Phú S đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T trả cho ông tổng số tiền gốc và lãi là 400.012.734đồng (gốc 290.652.000đồng, lãi 109.360.734đồng). Tại phiên tòa, ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 80.360.734đồng; yêu cầu buộc ông T trả số tiền 319.652.000đồng, trong đó tiền gốc 290.652.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 29.000.000đồng (tính tròn).

** Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hữu T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Hữu T trả cho nguyên đơn là ông Phạm Phú S số tiền 319.652.000đồng, trong đó gốc là 290.652.000đồng, tiền lãi là 29.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi 80.360.734đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 290.652.000đồng thì thấy:

Theo nguyên đơn trình bày, từ ngày 25/4/2023 đến ngày 16/12/2023, ông Phạm Phú S đã nhiều lần cho ông Nguyễn Hữu T vay tiền và thanh toán hộ các khoản chi của ông T với tổng số tiền 1.120.652.000đồng và hứa trả trước ngày 31/12/2023 nhưng đến hạn ông T không chịu trả tiền. Sau đó từ năm 2024 đến đầu năm 2025, ông T trả cho ông S được số tiền tổng cộng là 801.000.000đồng, còn lại 290.652.000đồng không trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản chính Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 27/12/2023 có chữ ký của ông Nguyễn Hữu T. Còn bị đơn Nguyễn Hữu T, mặc dù Tòa án đã thông báo và nhiều lần triệu tập nhưng không có mặt và cũng không ý kiến phản hồi, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau: *“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.*

Do vậy, trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định từ ngày 25/4/2023 đến ngày 16/12/2023, ông Phạm Phú S đã nhiều lần cho ông Nguyễn Hữu T mượn số tiền tổng cộng 1.120.652.000đồng, ông T đã trả 801.000.000đồng, còn lại 290.652.000đồng chưa trả.

Xét thấy, việc bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: quá trình khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 109.360.734đồng; tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 29.000.000đồng.

Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn thì thấy: tại Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 27/12/2023 các bên không thỏa thuận về tiền lãi và thời hạn thanh toán nợ, tuy nhiên nguyên đơn đã cung cấp Giấy đòi nợ đề ngày 17/9/2024 có nội dung yêu cầu

ông T trả cho ông S toàn bộ khoản tiền nợ chậm nhất vào ngày 25/9/4/2024 kèm theo biên nhận của công ty B. Như vậy căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 468 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu tính lãi đối với bị đơn từ ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2025 theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc chưa trả của nguyên đơn là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị đơn Nguyễn Hữu T nợ nguyên đơn Phạm Phú S số tiền gốc 290.652.000đồng và 29.000.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 319.652.000đồng.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở cần chấp nhận.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí cụ thể phải chịu: $319.652.000\text{đồng} \times 5\% = 15.982.600\text{đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Phú S đối với số tiền lãi 80.360.734đồng (T1 mười triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm ba mươi tư đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Buộc ông Nguyễn Hữu T trả cho ông Phạm Phú S số tiền 319.652.000đồng (Ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng), trong đó gốc là 290.652.000đồng (Hai trăm chín mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng), lãi là 29.000.000đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu T chịu 15.982.600đồng (Mười lăm triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn

trả cho ông Phạm Phú S số tiền nộp tạm ứng án phí 10.000.255đồng (Mười triệu, hai trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0007605 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (cũ).

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI